TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC – GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 18/2025/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

-Căn cứ vào Điều 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

-Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

-Căn cứ Luật phí và Lệ phí Tòa án;

-Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 374/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.Anh Trần Thế V, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Tổ x, phường Diên H (phường Yên Đ, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai.

CCCD 06608200xxxx, cấp ngày 28/6/2021

2.Chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ x, phường Diên H (phường Yên Đ, thành phố P cũ), tỉnh Gia Lai.

CCCD 06419001xxxx, cấp ngày 12/01/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Hồng P tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ea T, thành phố Buôn Ma T, tỉnh Đăk Lăk theo giấy chứng nhận kết hôn số 167, quyển số 01/2011, ngày 16/8/2011.

Nay hai vợ chồng thấy không thể đoàn tụ gia đình được, vì mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] **Về con chung:** Anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Hồng P có 01 con chung là cháu Trần Nguyên C, sinh ngày 15/02/2012. Anh V và chị Pg thỏa thuận giao cháu C cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Thế V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho chị P để nuôi cháu C là 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

[3] **về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] **Về tiền lệ phí:** Anh V và chị P tự nguyện chịu toàn bộ để sung quỹ Nhà nước.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***Về hôn nhân:** Anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Hồng P thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

***Về con chung:** Anh Trần Thế V và chị Nguyễn Thị Hồng P có 01 con chung là cháu Trần Nguyên C, sinh ngày 15/02/2012 (Nguyện vọng sống với mẹ). Anh V và chị P thỏa thuận giao cháu C cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Trần Thế V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho chị P để nuôi cháu C là 3.000.000đ/tháng, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

***Về tài sản chung, nợ chung:** Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.**Về lệ phí Tòa án:** Anh V và chị P tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí là 300.000đ để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai số: 001745 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Anh V và chị P đã nộp đủ tiền lệ phí dân sự sơ thẩm.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực – Gia Lai;
- THADS tỉnh Gia Lai (Để thi hành);
-UBND phường Ea T, tp Buôn Ma T, tỉnh Đăk Lăk (cũ)
(GCNKH số 167, quyển số 01/2011, ngày 16/8/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

Hoàng Văn Tiến